TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-ST.
Ngày: 19/7/2017.
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Phước Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Huy Tùng**.

2. Ông **Nguyễn Văn Linh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Trân** là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần T**.

Địa chỉ trụ sở: Số 72, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 10 đường M, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 25, đường L, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2016).

2. Bị đơn: Ông **Hứa Thành Đ**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 10 năm 2016 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T và trong quá trình xét xử người đại diện của nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày:

Vào ngày 03/7/2014, ông Hứa Thành Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20140704-104026-0009 với Ngân hàng thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 4,59%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Hứa Thành Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.873.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 19 tháng, 18 tháng đầu mỗi tháng trả 2.521.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.495.000 đồng, thanh toán vào ngày 08 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 08/8/2014 đến ngày 08/02/2016 là kết thúc hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, ông Hứa Thành Đ đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với số tiền 11.060.000 đồng. Kể từ ngày 15/6/2015, ông Đ không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhỡ. Ngân hàng yêu cầu ông Hứa Thành Đ phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn 36.813.000 đồng cho Ngân hàng và lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng trình bày: Vào ngày 12/10/2016, ông Hứa Thành Đ có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng (nợ gốc là 1.286.558 đồng, lãi là 713.442 đồng). Như vậy, từ khi vay đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 13.060.000 đồng. Trong đó thanh toán số tiền vốn gốc 05 kỳ là 5.892.417 đồng, lãi suất là 7.167.583 đồng. Tính đến ngày xét xử 19/7/2017, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng và lãi suất 9.205.417 đồng. Tổng cộng vốn và lãi suất là 34.813.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Hứa Thành Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất đến hạn tổng cộng là 34.813.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 đến ngày xét xử trên số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng còn nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 60/TB-TLVA ngày 19 tháng 12 năm 2016, tống đạt hợp lệ cho bị đơn Hứa Thành Đ, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được lưu hồ sơ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[2] Đối với bị đơn ông Hứa Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hứa Thành Đ.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng trình bày: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Hứa Thành Đ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tới hạn 36.813.000 đồng với lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày xét xử. Vào ngày 12/10/2016, ông Hứa Thành Đ có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng (nợ gốc là 1.286.558 đồng, lãi là 713.442 đồng). Như vậy, từ khi vay đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 13.060.000 đồng. Trong đó thanh toán số tiền vốn gốc 05 kỳ là 5.892.417 đồng, lãi suất là 7.167.583 đồng. Tính đến ngày xét xử 19/7/2017, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng và lãi suất 9.205.417 đồng. Tổng cộng vốn và lãi suất là 34.813.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần T thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Hứa Thành Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất đến hạn tổng cộng là 34.813.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh theo mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 đến ngày xét xử trên số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng còn nợ.

[4] Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] **Về nội dung:**

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu bị đơn ông Hứa Thành Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng và lãi suất 9.205.417 đồng. Tổng cộng vốn và lãi suất là 34.813.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền vốn gốc theo lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày 19/7/2017 là 25.607.583 đồng x 0,75%/01 tháng x 17 tháng 11 ngày = 3.335.372 đồng. Tổng cộng là: 38.148.372 đồng.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T về việc yêu cầu ông Hứa Thành Đ trả tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 03/7/2014, ông Hứa Thành Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20140704-104026-0009 với Ngân hàng vay số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 4,59%/tháng để tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Hứa Thành Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.873.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 19 tháng, 18 tháng đầu mỗi tháng trả 2.521.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.495.000 đồng, thanh toán vào ngày 08 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 08/8/2014 đến ngày 08/02/2016 là kết thúc hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, ông Hứa Thành Đ đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng 05 lần với số tiền 13.060.000 đồng (vốn gốc 5.892.417 đồng và lãi 7.167.583 đồng).

[8] Xét lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp với đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 03/7/2014, phê duyệt của Ngân hàng ngày 08/7/2014 và chứng nhận trả tiền ngày 08/7/2014 thể hiện ông Đ đã nhận đủ tiền vay từ Ngân hàng.

[9] Như vậy, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử khẳng định vào ngày 03/7/2014, bị đơn ông Hứa Thành Đ có ký hợp đồng vay với Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 4,59%/tháng, trả chậm trong 19 tháng, số tiền vốn gốc và lãi đến hạn thanh toán tổng cộng là 47.873.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) theo hợp đồng. Ông Đ đã trả được số tiền tổng cộng là 13.060.000 đồng. Trong đó thanh toán số tiền vốn gốc 05 kỳ là 5.892.417 đồng, lãi suất theo hợp đồng là 7.167.583 đồng và còn nợ Ngân hàng tổng cộng vốn và lãi suất là 34.813.000 đồng là có thật.

[10] Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và theo quy định khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đồng thời, trong bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên cũng đã thỏa thuận bên vay là ông Hứa Thành Đ có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã không trả đầy đủ, đúng hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền vốn gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[11] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về lãi chậm thanh toán phát sinh theo lãi suất cơ bản tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày 19/7/2017 là 25.607.583 đồng x 0,75%/01 tháng x 17 tháng 11 ngày = 3.335.372 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy trong hợp đồng tín dụng số 20140704-104026-0009 giữa Ngân hàng với ông Hứa Thành Đ không quy định nhưng theo khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[12] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hứa Thành Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng các khoản như sau: Số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng và lãi suất theo hợp đồng 9.205.417 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền vốn gốc theo lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày 19/7/2017 là 25.607.583 đồng x 0,75%/01 tháng x 17 tháng 11 ngày = 3.335.372 đồng. Tổng cộng là: 38.148.372 đồng.

[13] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên bị đơn Hứa Thành Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 38.148.372 đồng = 1.907.418 đồng.

[15] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 305; Điều 471, khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Hứa Thành Đ.

Xử buộc bị đơn ông Hứa Thành Đ có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền như sau:

Số tiền vốn gốc 25.607.583 đồng, lãi suất theo hợp đồng 9.205.417 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền vốn gốc theo lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính từ ngày 09/02/2016 (sau ngày đáo hạn hợp đồng) đến ngày 19/7/2017 là: 25.607.583 đồng x 0,75%/01 tháng x 17 tháng 11 ngày =

3.335.372 đồng. Tổng cộng là: 38.148.372 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Hứa Thành Đ phải chịu 1.907.418 đồng (Một triệu chín trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 920.325 đồng (Chín trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0003565 ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn